

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 29/11/2023

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiem.

Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Văn H, sinh năm 1975.

Cư trú tại: khu phố T, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: bà Phạm Thanh Th, sinh năm 1977.

Cư trú tại: khu phố T, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Ông H, bà Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Phạm Thanh Th chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trảng Bàng (nay là phường A, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng ông sống cùng mẹ ruột của ông tại khu phố T, phường A. Ông và bà Th cùng ở nhà phụ giúp gia đình buôn bán và chăn nuôi. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng

dần xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ nhau, không thể chung sống hòa hợp với nhau, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vợ chồng ông đã tự ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không còn chung sống với nhau, bà Th đã ra ngoài thuê nhà trọ sống tại khu phố T, phường A, thị xã Trảng Bàng. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà Th.

Về con chung: vợ chồng ông có 02 người con chung là cháu Lê Hoàng Nh, sinh năm 1997 và cháu Lê Phạm Q, sinh năm 2001. Cháu Nh và cháu Q đều rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu Nh và cháu Q đều đã thành niên, hiện tại cháu Nh đã kết hôn, cháu Q đã có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng ông không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Phạm Thanh Th trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống cùng mẹ ruột của ông H; vợ chồng bà cùng phụ giúp mẹ ông H buôn bán và chăn nuôi. Vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 do giữa bà và mẹ của ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và giữa vợ chồng bà cũng có mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ nhau, không thể hiểu và thông cảm cho nhau. Vợ chồng bà đã tự ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không còn chung sống với nhau, bà đã thuê nhà trọ sống tại khu phố T, phường A, thị xã Trảng Bàng. Từ khi ly thân, bà và ông H không còn quan tâm đến nhau, không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay bà đồng ý ly hôn ông H.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 người con chung là cháu Lê Hoàng Nh, sinh năm 1997 và cháu Lê Phạm Q, sinh năm 2001. Cháu Nh và cháu Q đều rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu Nh và cháu Q đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: bà và ông H có một số tài sản chung nhưng vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: vợ chồng bà không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Lê Văn H đối với bà Phạm Thanh Th. Ông H được ly hôn bà Th.

Về con chung: cháu Lê Hoàng Nh, sinh năm 1997 và cháu Lê Phạm Q, sinh năm 2001 đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: ông H, bà Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: ông H, bà Th trình bày không có nợ.

Về án phí: ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Lê Văn H và bà Phạm Thanh Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà Th chung sống với nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ nhau và vợ chồng ông H, bà Th đã tự ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không còn chung sống với nhau, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay ông H yêu cầu ly hôn và bà Th cũng đồng ý ly hôn ông H.

Xét thấy, ông H và bà Th tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do ông H và bà Th đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà Th, cho ông H được ly hôn bà Th là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Vợ chồng ông H, bà Th có 02 người con chung là cháu Lê Hoàng Nh, sinh năm 1997 và cháu Lê Phạm Q, sinh năm 2001. Khi ly hôn, cháu Nh và cháu Q đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết việc nuôi

dưỡng.

[4] Về tài sản chung: ông H, bà Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: ông H, bà Th trình bày không có nợ.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn H đối với bà Phạm Thanh Th.

Ông Lê Văn H được ly hôn bà Phạm Thanh Th.

2. Về con chung: cháu Lê Hoàng Nh, sinh năm 1997 và cháu Lê Phạm Q, sinh năm 2001 đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: ông H, bà Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: ông H, bà Th trình bày không có nợ.

5. Án phí: ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027558 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Ông H, bà Th có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư